TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2018
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phùng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Lăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 180/2018/TLST-HN ngày 01 tháng 6 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 31/8/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2018/QĐST-HN ngày 18 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1981 (có mặt)

Trú tại: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh B.

2. Bị đơn: Võ Thanh V, sinh năm 1980 (Vắng không lý do)

Trú tại: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh B.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2018, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T trình bày: Chị T và anh Võ Thanh V kết hôn vào năm 2000, dựa trên điều kiện quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thành Bình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, trong quá trình chung sống anh V quản lý tiền bạc, vợ chồng thường cải vã, anh V đánh chị T. Nay chị Phan Thị Ngọc T xin ly hôn do không còn tình cảm với anh Võ Thanh V.

Con chung: Võ Thị Kim K, sinh ngày 03/7/2000, Võ Hạo N, sinh ngày 09/02/2009 hiện cháu K đã đi làm và nuôi sống bản thân, cháu N đang sống với

anh V. Sau khi ly hôn cháu N muốn sống với ai thì người đó nuôi, người không trực tiếp nuôi con không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu chia.

Nợ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2018 anh Võ Thanh V trình bày: anh V và chị T kết hôn năm 1999, dựa trên điều kiện là quen biết, anh V và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cách nay 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh V và chị T không có sống ly thân. Anh Võ Thanh V không đồng ý ly hôn do anh V còn thương vợ, thương con. Con chung như chị T trình bày. Anh V yêu cầu nếu tòa án cho ly hôn thì anh V nuôi cháu N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung gồm nhà và đất, không yêu cầu tòa giải quyết. Nợ chung không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình cụ thể bị đơn vắng mặt các lần tòa án mời.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T . Chị Phan Thị Ngọc T được ly hôn với anh Võ Thanh V, con chung Võ Thị Kim K, sinh ngày 03/7/2000 đã trưởng thành không đề cập, Võ Hạo N, sinh ngày 09/02/2009 anh V trực tiếp nuôi, chị T không phải cấp nuôi con do anh V không yêu cầu. Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu chia nên không xem xét. Nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh

chấp của vụ án là "*Xin ly hôn"* theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Theo xác nhận của Công an xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre ngày 31/5/2018 xác nhận anh Võ Thanh V hiện đang sinh sống và có mặt tại xã H, huyện M, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[3] Nội dung vụ án:

Anh Võ Thanh V đã được tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Võ Thanh V.

Chị Phan Thị Ngọc T và anh Võ Thanh V kết hôn vào năm 2000, dựa trên điều kiện quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thành Bình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị Ngọc T, chị T cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do mâu thuẫn trong việc quản lý tiền bạc và chi tiêu trong gia đình, khi vợ chồng cải vã anh Vđánh chị, vợ chồng sống chung nhưng không quan tâm chăm sóc nhau. Còn anh Võ Thanh V cho rằng còn thương vợ thương con không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trong hồ sơ vụ án và hòa giải cho anh V nhưng anh V không tham gia hòa giải và vắng mặt không lý do. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị T và anh V thì gia đình cho biết nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh V quản lý chi tiêu tiền bạc trong gia đình nên vợ chồng mâu thuẫn và có lần anh V đánh chị T. Nhưng sau đó anh V có đến gia đình bên vợ xin lỗi và hứa sửa đổi, gia đình thấy nguyên nhân mất hạnh phúc giữa vợ chồng anh V, chị T có thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân mất hạnh phúc giữa anh V và chị T không lớn nhưng anh chị không có hướng khắc phục nguyên nhân mất hạnh phúc để hàn gắn gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Võ Thanh V cũng không có thiện chí đến tòa án để hòa giải khắc phục nguyên nhân mất hạnh phúc để về đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc. Xét thấy do anh Võ Thanh V không có thiện chí khắc phục nguyên nhân mất hạnh phúc và hàn gắn gia đình, tại tòa chị Phan Thị Ngọc T cương quyết ly hôn với anh V. Vì vậy, nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị T và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Ngọc T là có căn cứ.

[4] Con chung: con chung Võ Thị Kim K, sinh ngày 03/7/2000 đã trưởng thành nên không đề cập, Võ Hạo N, sinh ngày 09/02/2009, anh Võ Văn V có yêu cầu được tiếp tục con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết cháu Hạo N có nguyện vọng sống với anh V nên để cháu Võ Hạo N cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo về mặt tinh thần và thể chất cho cháu N. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Việt không yêu cầu.

[5] Tài sản chung: Chị Phan Thị Ngọc T và anh Võ Thanh V trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Nợ chung: Chị Phan Thị Ngọc T và anh Võ Thanh V trình bày không có nên không xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Phan Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Ngọc T.

Chị Phan Thị Ngọc T được ly hôn với anh Võ Thanh V.

2. Về nuôi con chung: Cháu Võ Thị Kim K, sinh ngày 03/7/2000 đã trưởng thành nên không đề cập, cháu Võ Hạo N, sinh ngày 09/02/2009, anh Võ Thanh V trực tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Việt không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản chung: Chị Phan Thị Ngọc T và anh Võ Thanh V trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Nợ chung: Chị Phan Thị Ngọc T và anh Võ Thanh V trình bày không có nên không xem xét.

5. Án phí ly hôn: Chị Phan Thị Ngọc T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009383 ngày 01/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc. Chị Trang không phải nộp thêm.

6. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Tân Thành Bình;
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thuý